

**BỘ CHUẨN ĐẦU RA ĐÀO TẠO
BẠC CỬ NHÂN NGÀNH TÂM LÝ HỌC**

(Ban hành theo Quyết định số 2574/QĐ-HVPNVN ngày 28. tháng 5. năm 2020
của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam)

1. Tên ngành, mã ngành đào tạo

- Tên tiếng Việt: Tâm lý học
- Tên tiếng Anh: Psychology
- Mã ngành đào tạo: 7310401

2. Trình độ đào tạo: Đại học

3. Yêu cầu về kiến thức (KT)

3.1. Khối kiến thức chung

KT1: Biết, hiểu, phân tích được các nguyên lý cơ bản, phương pháp luận Chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, các khoa học xã hội và nhân văn khác để có thể tiếp cận và luận giải được các vấn đề về tâm lý người và các vấn đề khác của đời sống xã hội.

KT2: Biết, hiểu những kiến thức về giải phẫu sinh lý hệ thần kinh, sinh lý hoạt động thần kinh cấp cao và phân tích được các hiện tượng tâm lý người.

KT3: Biết, hiểu, phân tích được các giai đoạn tâm lý lứa tuổi và vai trò của hoạt động, giao tiếp, nền văn hóa xã hội đối với sự hình thành, phát triển tâm lý người. Giải thích được quá trình hình thành và phát triển nhân cách nói chung, rèn luyện nhân cách bản thân nói riêng.

KT4: Hình thành các kỹ năng cần thiết: giao tiếp, kỹ năng sống, tư duy, làm việc...

KT5: Biết, hiểu, vận dụng được các phương pháp nghiên cứu Tâm lý học.

KT6: Hiểu và nắm vững những kiến thức tâm lý học nền tảng trong các lĩnh vực cụ thể: giáo dục, pháp lý, giới, lao động, giao tiếp...

3.2. Khối kiến thức chung của khối ngành

3.2.1. Chuyên ngành Tâm lý ứng dụng trong Tham vấn – Trị liệu

KT7: Hiểu được bản chất của quá trình tham vấn, trị liệu; các nguyên tắc đạo đức cụ thể của nghề tham vấn; xác định được vấn đề của thân chủ; mối quan hệ giữa nhà tham vấn và thân chủ, các kiến thức cơ bản về tham vấn cá nhân, tham vấn nhóm và tham vấn học đường.

KT8: Nhận diện, phân tích những rối nhiễu tâm lý ở mức độ cơ bản.

KT9: Vận dụng các phương pháp nghiên cứu và các kỹ thuật đánh giá cơ bản vào triển khai một nghiên cứu tâm lý học và đánh giá, chẩn đoán tâm lý.

KT10: Xác định mục tiêu và kế hoạch can thiệp của tham vấn, như: tham vấn học đường, tham vấn qua điện thoại, trực tuyến, tham vấn sang chấn khủng hoảng và trong chăm sóc sức khỏe tâm thần cho cộng đồng.

3.2.2. Chuyên ngành Tâm lý ứng dụng trong Hôn nhân, Gia đình

KT7: Hiểu được cơ sở tâm lý học của các vấn đề trong hôn nhân, gia đình, giáo dục con.

KT8: Vận dụng được kiến thức tâm lý học trong tiếp cận các vấn đề thời sự trong hôn nhân, gia đình, như: phòng chống bạo lực gia đình, phòng chống xâm hại trẻ em,

KT9: Hiểu được bản chất của quá trình tham vấn, trị liệu; các nguyên tắc đạo đức cụ thể của tham vấn; xác định được vấn đề của thân chủ; mối quan hệ giữa nhà tham vấn và thân chủ, các kiến thức cơ bản về tham vấn giới tính, hôn nhân, gia đình.

KT10: Biết được các nội dung, phương pháp giáo dục tiền hôn nhân, giáo dục gia đình.

4. Yêu cầu về kỹ năng (KN)

4.1. Kỹ năng chuyên môn chung

KN1: Vận dụng tiếp cận khoa học tâm lý giáo dục và kiến thức về các hiện tượng tâm lý để nghiên cứu và ứng dụng Tâm lý học vào các lĩnh vực đa dạng của đời sống.

KN2: Hình thành ý tưởng về thiết kế và triển khai nghiên cứu tâm lý.

KT3: Vận dụng quy luật của tâm lý cá nhân, xã hội trên để giải thích các hiện tượng tâm lý cá nhân, sự phát triển nhân cách con người

KN3: Có khả năng lượng giá về trí tuệ, nhân cách, khí chất... : sử dụng, phân tích dữ liệu của một số công cụ lượng giá cơ bản

KN4: Vận dụng các kiến thức được học để thực hành các hình thức tham vấn, trị liệu.

4.2. Kỹ năng chuyên ngành

4.2.1. Chuyên ngành Tham vấn, trị liệu

KN5: Có Kỹ năng tham vấn cơ bản. Đánh giá những tình huống liên quan đến đạo đức trong tham vấn. Thiết lập mối quan hệ tham vấn, khung tham vấn an toàn giữa nhà tham vấn và thân chủ. Bước đầu thực hành tham vấn tâm lý cá nhân.

KN6: Có kỹ năng làm việc với những rối nhiễu tâm lý cơ bản: Nhận diện và bước đầu phân tích những rối nhiễu tâm lý của thân chủ ở mức độ cơ bản. Xác định mục tiêu và kế hoạch can thiệp cho những ca cơ bản. Sử dụng một số công cụ lâm sàng cơ bản, lập hồ sơ tâm lý cá nhân và trình bày dưới dạng báo cáo. Thực hành lượng giá về trí tuệ, nhân cách, khí chất...: sử dụng, phân tích dữ liệu của một số công cụ lượng giá cơ bản.

KN7: Kỹ năng kết nối mạng lưới trong tham vấn, trị liệu: Kết nối các cơ sở dịch vụ, các nguồn lực phục vụ cho việc chăm sóc sức khỏe tinh thần của thân chủ một cách toàn diện.

KN8: Vận dụng các phương pháp nghiên cứu và các kỹ thuật đánh giá cơ bản vào triển khai một nghiên cứu tâm lý học và đánh giá, chẩn đoán tâm lý.

KN9: Vận dụng các kiến thức được học để thực hành các hình thức tham vấn, trị liệu

4.2.2. Chuyên ngành Tâm lý ứng dụng trong Hôn nhân, gia đình

KN5: Có kỹ năng tham vấn hôn nhân, tham vấn gia đình, kỹ năng hòa giải giúp các gia đình tự giải quyết mâu thuẫn và các vấn đề của gia đình.

KN6: Kỹ năng lập kế hoạch và triển khai các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức của các thành viên trong gia đình về luật pháp, chính sách, về phòng chống bạo lực gia đình, phòng chống xâm hại trẻ em...

KN7: Kỹ năng tư vấn, tham vấn cho vị thành niên và thanh niên về tình bạn, tình yêu lứa đôi và hôn nhân, hạnh phúc gia đình và lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai.

KN8: Kỹ năng tư vấn, tham vấn cho phụ nữ về chăm sóc sức khỏe trước, trong thời kỳ mang thai, khi sinh con và sau sinh con; cách chăm sóc sức khỏe tâm thần, chăm sóc trẻ sơ sinh.

KN9: Thực hiện triển khai các hoạt động giáo dục tiền hôn nhân và tham vấn giao tiếp, ứng xử giữa các thành viên trong gia đình, xây dựng các mối quan hệ gia đình; tổ chức cuộc sống vật chất và tinh thần trong gia đình; giáo dục con.

4.3. Kỹ năng mềm

KN10: Có khả năng làm việc độc lập; tự học và tự nghiên cứu, làm việc có kế hoạch và khoa học;

KN11: Có kỹ năng quản lý thời gian, phân bổ công việc cá nhân hợp lý;
KN12: Có khả năng làm việc nhóm và hợp tác tốt với các thành viên nhóm;
KN13: Có một số kỹ năng quản lý và lãnh đạo như kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định;

KN14: Có kỹ năng giao tiếp (kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng thuyết phục trong công việc, kỹ năng giao tiếp qua điện thoại, e-mail, khai thác internet...);

5. Yêu cầu về năng lực ngoại ngữ (NN)

5.1. Yêu cầu chung

- NN1: Có thể hiểu được ý chính khi tiếp thu (nghe, đọc) ngôn ngữ tiếng Anh chuẩn về những vấn đề quen thuộc thường gặp trong công việc, học tập, vui chơi giải trí v.v.

- NN2: Có thể xử lý hầu hết các tình huống có khả năng xảy ra trong giao tiếp bằng tiếng Anh;

- NN3: Có thể tạo ra các ngôn ngữ tiếng Anh có tính liên kết về các chủ đề quen thuộc hoặc các đề tài phù hợp với môi quan tâm của cá nhân;

- NN4: Có thể mô tả những trải nghiệm và các sự kiện, ước mơ, hy vọng và hoài bão, đồng thời có thể lý giải cho các ý kiến và kế hoạch của mình.

5.2. Yêu cầu chi tiết

Yêu cầu về khả năng tiếp nhận ngôn ngữ

- NN5 (Nghe): Có thể hiểu được ý chính của các diễn ngôn tiêu chuẩn, rõ ràng về các chủ đề thường gặp trong công việc, học tập, vui chơi giải trí, v.v. Có thể hiểu ý chính của các chương trình truyền thanh, truyền hình về những vấn đề thời sự hoặc các chủ đề thuộc mối quan tâm hoặc lĩnh vực chuyên môn của cá nhân khi các chủ đề đó được trình bày rõ ràng;

- NN6 (Đọc): Có thể hiểu các văn bản trong đó chủ yếu sử dụng ngôn ngữ thường ngày hoặc liên quan đến công việc. Có thể mô tả các sự kiện, cảm giác và mong muốn trong thư từ cá nhân.

Yêu cầu về khả năng tương tác:

- NN7 (Tương tác Nói): Có thể xử lý hầu hết các tình huống có khả năng xảy ra khi đến những nơi có sử dụng tiếng Anh. Có thể tham gia vào các cuộc hội thoại về các chủ đề quen thuộc, mà cá nhân quan tâm hoặc thường gặp hàng ngày (ví dụ: gia đình, sở thích, công việc, du lịch, thời sự) mà không cần chuẩn bị trước;

- NN8 (Trương tác Viết): Có thể viết thư trao đổi riêng tư, trong đó có thể mô tả các trải nghiệm và ấn tượng của mình.

Yêu cầu về sản sinh ngôn ngữ

- NN9 (Nói): Có thể liên kết các cụm từ một cách đơn giản để mô tả các trải nghiệm và sự kiện, ước mơ, hy vọng và hoài bão. Có thể lý giải ngắn gọn về các ý kiến và kế hoạch của mình. Có thể kể chuyện hoặc liên kết các mục của một cuốn sách hoặc các cảnh của một bộ phim và mô tả cảm nhận về những vấn đề đó;

- NN10 (Viết): Có thể tạo ra một văn bản có liên quan trực tiếp đến các chủ đề quen thuộc hoặc về những vấn đề quan tâm.

Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ tiếng Anh tương đương cấp độ B1 theo khung tham chiếu chung Châu Âu:

Chứng chỉ B1	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge exam	Kiểm tra đầu ra của Học viện
50	4.5	450 hoặc 133 CBT hoặc 45 iBT	450	Preliminary PET	50

Các điểm số trên là điểm tối thiểu cần đạt được. Sinh viên có một trong các chứng chỉ trên là đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh.

6. Yêu cầu về năng lực tin học (IT)

- IT1: Có chứng chỉ tin học văn phòng đạt chuẩn theo quy định của nhà nước hoặc đạt yêu cầu của kỳ kiểm tra chất lượng đầu ra về tin học văn phòng do Học viện Tổ chức và được cấp giấy chứng nhận;

- IT2: Sử dụng thành thạo hệ điều hành Windows, Microsoft office (Word, Excel, Power Point), khai thác tài nguyên trên mạng internet và sử dụng một số hệ thống thư điện tử;

7. Yêu cầu về mức tự chủ và trách nhiệm (TC-TN)

- TCTN1: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo;
- TCTN2: Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao;
- TCTN3: Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;

- TCTN4: Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;
- TCTN5: Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật;
- TCTN6: Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

8. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, người học có thể trở thành:

- Nhân viên, chuyên viên tham vấn học đường trong các trường học.
- Chuyên viên phòng tham vấn, trung tâm Công tác xã hội, phòng Công tác sinh viên của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp...
- Giảng viên, nghiên cứu viên trong các trường đại học, cao đẳng, trung tâm nghiên cứu, viện nghiên cứu;
- Cán bộ tâm lý trong các bệnh viện;
- Chuyên viên tư vấn, tham vấn tâm lý tại văn phòng các công ty, trung tâm, đài phát thanh, đài truyền hình;
- Cán bộ, chuyên viên trong các ban, đơn vị thuộc cơ quan TW Hội LHPN Việt Nam hoặc các cơ quan chuyên trách Hội LHPN, Đoàn thanh niên các cấp địa phương.
- Nhân viên Công tác xã hội, kiểm huấn viên trong các cơ sở cung cấp dịch vụ xã hội cho các đối tượng yếu thế khác nhau trong xã hội như: Trung tâm bảo trợ xã hội; cơ sở cai nghiện ma túy, Làng trẻ SOS ...
- Chuyên viên, nghiên cứu viên, cộng tác viên, tình nguyện viên kiểm huấn viên... trong các tổ chức phi chính phủ trong nước và nước ngoài, các dự án quốc tế.

9. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường;

Người học sau khi tốt nghiệp có thể

-Tiếp tục học sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) các chuyên ngành trong lĩnh vực Tâm lý học.

- Học đại học văn bằng 2 ở các ngành phù hợp.

10. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà Học viện tham khảo.

- Các chương trình đào tạo Học viện tham khảo:

Chương trình Tâm lý học ứng dụng, Đại học Thủ đô Hà Nội.

Chương trình cử nhân Tâm lý học ứng dụng và Quản lý, Đại học Nottingham Malaysia Campus, Malaysia.

[https://www.nottingham.edu.my/Study/Undergraduate-courses/Applied-Psychology/Applied-Psychology-and-management-BSc-\(Hons\).aspx](https://www.nottingham.edu.my/Study/Undergraduate-courses/Applied-Psychology/Applied-Psychology-and-management-BSc-(Hons).aspx)

Chương trình cử nhân Tâm lý học ứng dụng, Đại học College Cork, Ireland
<https://www.ucc.ie/en/ck120/>

Chương trình cử nhân Tâm lý học ứng dụng, Đại học Leicester, Vương quốc Anh.

<https://le.ac.uk/courses/applied-psychology-bsc>

Chương trình cử nhân Tâm lý học ứng dụng, Đại học Walden, Hoa Kỳ
<https://www.waldenu.edu/bachelors/bs-in-psychology/curriculum/applied-psychology>.

Nhóm biên soạn đề án lĩnh hội được từ các chương trình trên định hướng ứng dụng, gắn ngành đào tạo với vị trí việc làm của người học và chú trọng hình thành các kỹ năng nghề cho người học, tạo khả năng đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và khả năng phát triển của người học. Tuy nhiên, để phù hợp với bối cảnh ở Việt Nam, đề án đưa vào chương trình những học phần bắt buộc (theo yêu cầu chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo), như: các môn chính trị. Ngoài ra, đề án xây dựng các học phần thuộc chuyên ngành gắn liền với tình hình kinh tế xã hội ở Việt Nam, cũng như thực trạng phát triển ngành nghề ở Việt Nam.

Đối với chương trình Tâm lý học ứng dụng tham khảo của trường Đại học Thủ đô, đề án chỉ kế cận định hướng đào tạo ứng dụng và một số ít học phần thuộc ngành tương đồng. Tuy nhiên, chương trình Tâm lý ứng dụng của Học viện, tập trung xây dựng các học phần mang tính ứng dụng, hướng đến rèn kỹ năng nghề cho người học. Ngoài cung cấp các kiến thức, thái độ, kỹ năng chung cho người học, chương trình xây dựng hai chuyên ngành hẹp (để người học lựa chọn) là: Tham vấn Trị liệu và Tâm lý học ứng dụng trong Hôn nhân, gia đình. Đây cũng là hướng mới và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ đặc thù của Học viện Phụ nữ Việt Nam.

11. Ma trận chuẩn đầu ra (xem bảng ở cuối tài liệu)

12. Kế hoạch và cam kết thực hiện Chuẩn đầu ra

12.1 Kế hoạch thực hiện chuẩn đầu ra:

Để đạt được chuẩn đầu ra trên đây, Học viện xây dựng một số giải pháp chủ yếu thực hiện như sau:

- Tổ chức xây dựng chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra; thường xuyên cập nhật, điều chỉnh chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của bối cảnh hội nhập quốc tế, của thị trường và nhà tuyển dụng lao động.

- Tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả người học và các hoạt động đảm bảo chất lượng một cách nghiêm túc, đúng quy định;


- Đào tạo, tuyển dụng đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng đảm bảo đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng.




- Đảm bảo có đầy đủ thiết bị, phương tiện phục vụ đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng; đủ giáo trình, tài liệu, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ học tập cho sinh viên. Phối hợp, kết nối chặt chẽ với các cơ quan và nhà tuyển dụng để xây dựng cơ sở thực hành, thực tập, nghiên cứu và tuyển dụng người học.

12.2. Cam kết thực hiện chuẩn đầu ra

Học viện Phụ nữ Việt Nam cam kết tổ chức đào tạo và đánh giá khách quan kết quả học tập, rèn luyện của học viên theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo của Học viện Phụ nữ Việt Nam./.

GIÁM ĐỐC 



PGS, TS. Trần Quang Tiến



MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA CỦA NGÀNH TÂM LÝ HỌC



S T T	Tên Học phần	Kiến thức									Kỹ năng										NN									IT	Mức tự chủ và trách nhiệm				
		K T 1	K T 2	K T 3	K T 4	K T 5	K T 6	K T 7	K T 8	K T 9	K T 10	K N 1	K N 2	K N 3	K N 4	K N 5	K N 6	K N 7	K N 8	K N 9	K N 10	I 1	I 2	TC 1	TC 2	TC 3	TC 4	TC 5	TC N6						
1.	Triết học Mác- Lê nin	X												X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X						
2.	Kinh tế chính trị Mác- Lê nin	X												X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X						
3.	Chú nghĩa xã hội khoa học	X												X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X						
4.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	X												X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X						
5.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X												X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X						
6.	Pháp luật đại cương	X												X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X						
7.	Xã hội học đại cương	X												X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X						
8.	Giới và phát triển	X												X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X						
9.	Nhập môn Công tác xã hội																																		
10	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	X																																	
11	Tiếng Anh cơ bản (Course 1)																					X	X	X	X	X	X	X							
12	Tiếng Anh cơ bản (Course 2)																					X	X	X	X	X	X	X							

S T T	Tên Học phần	Kiến thức												Kỹ năng										NN										IT					Mức tự chủ và trách nhiệm									
		K T 1	K T 2	K T 3	K T 4	K T 5	K T 6	K T 7	K T 8	K T 9	K T 10	K T 11	K T 12	K N 1	K N 2	K N 3	K N 4	K N 5	K N 6	K N 7	K N 8	K N 9	K N 10	K N 11	K N 12	I T 1	I T 2	TC 1	TC 2	TC 3	TC 4	TC 5	TC N6															
	và môi trường xã hội																																															
27	Phương pháp Nghiên cứu Tâm lý học					x																																										
28	Chiến đoán tâm lý					x																																										
29	Kỹ năng giao tiếp						x																																									
30	Kỹ năng làm việc nhóm						x																																									
31	Kỹ năng sống						x																																									
32	Kỹ năng tư duy						x																																									
33	Kĩ năng tuyên truyền, vận động giới																																															
34	Tâm lý học nhân cách						x																																									
35	Tâm lý học lâm sàng																																															
36	Tâm lý học pháp lý																																															
37	Tâm lý học gia đình																																															
38	Tâm lý học giới																																															
39	Tâm lý học lao động																																															

